TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-ST
Ngày 07 tháng 12 năm 2021
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CỪ, TỈNH HƯNG YÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Sỹ Thái và ông Bùi Đăng Ban.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng-Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh-Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2021/TLST-KDTM ngày 19 tháng 8 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Kh, phường 5, Quận 3, thành phố HCM.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh T.

Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ.

Chức vụ: Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Giấy ủy quyền số 428/UQ-QLN.19 ngày 26/6/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Địa chỉ: Số 96 đường Nguyễn Văn L, phường B, thị xã M, tỉnh HY.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Đăng H-Có mặt.

Chúc vụ: Nhân viên xử lý nợ.

Giấy ủy quyền số 858/UQ-QLN.21 ngày 26/7/2021 của bà Vũ Thị Anh Đ-Giám đốc Phòng quản lý nợ.

Địa chỉ: Số 96 đường Nguyễn Văn L, phường B, thị xã M, tỉnh HY.

2. Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H.

Địa chỉ: thôn D, xã M, huyện P, tỉnh HY.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979.

Chức vụ: Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H.

Địa chỉ: thôn D, xã M, huyện P, tỉnh HY.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1979.

Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: thôn D, xã M, huyện P, tỉnh HY.

Người đại diện cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo ủy quyền:

Bà Phạm Thị Thanh V, sinh năm 1981-Có mặt.

Địa chỉ: thôn D, xã M, huyện P, tỉnh HY.

Giấy ủy quyền ngày 12/11/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình điều tra nguyên đơn trình bầy:

Ngân hàng thương mại cổ phần A, tên viết tắt là ACB (sau đây viết tắt là ngân hàng), cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H (sau đây viết tắt là bên vay) vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/07/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HUY.DN.03200712/SĐBS-01 ngày 13/02/2014, Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013. Theo đó ngân hàng cho bên vay vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích cho vay là để sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng và được ghi trên Khế ước nhận nợ và không quá 6 tháng. Lãi suất trong hạn là 13,5%/năm và được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 350.000.000 đồng bằng Khế ước nhận nợ số 03 ngày 09/7/2013.

Theo thỏa thuận trong hợp đồng, khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng các biện pháp bảo đảm sau: Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thanh V là vợ ông đã Quân đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số HUY.BĐDN.08030810, số công chứng 162 ký ngày 04/08/2010 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh HY. Theo hợp đồng thế chấp, ông Q, bà V dùng tài sản chung của ông Q, bà V là thửa đất số 18, tờ bản đồ số 223, địa chỉ: thôn C, phường L, thị xã H, tỉnh HY để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho bên vay. Đến nay, hai bên đã xử lý xong hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp nên ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này.

Ngày 08/7/2011, ông Q, bà V và ngân hàng đã ký Văn bản về việc cam kết trả nợ, ông Q và bà V đã đồng ý cùng nhận nợ và là bên vay thứ yếu theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên vay với ngân hàng. Theo cam kết này thì ông Q, bà V cam kết sẽ trả nợ cho bên vay nếu bên vay không thực hiện được nghĩa vụ cho ngân hàng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ngày 14/5/2015, bên vay đã trả được số nợ gốc 260.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 29/11/2014. Từ ngày 14/5/2015, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại chưa thanh toán của Khế ước nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bên vay và ông Q, bà V trả nợ cho ngân hàng nhưng bên vay vẫn

không trả. Tạm tính đến ngày 07/09/2021, bên vay còn nợ ngân hàng các khoản sau: Nợ gốc: 90.000.000 đồng, lãi trong hạn: 7.800.139 đồng, lãi quá hạn: 113.292.375 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn: 79.658 đồng. Tổng cộng: 211.172.172 đồng.

Vì vậy ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bên vay, ông Q và bà V cụ thể như sau:

Buộc bên vay trả ngay cho ngân hàng số tiền gồm tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày 07/09/2021 là: 211.172.172 đồng. Bên vay còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày 08/09/2021 đến khi trả hết nợ.

Nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Q và bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 08/07/2011.

Ngoài ra ngân hàng không còn yêu cầu gì khác.

Ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thanh V trình bầy:

Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/07/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HUY.DN.03200712/SĐBS-01 ngày 13/02/2014, Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013, ngân hàng cho bên vay vay số tiền gốc là 350.000.000 đồng, mục đích cho vay là để sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng và được ghi trên Khế ước nhận nợ và không quá 6 tháng, lãi suất trong hạn là 13,5%/năm và được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Bên vay đã nhận số tiền 350.000.000 đồng bằng Khế ước nhận nợ số 03 ngày 09/7/2013.

Để đảm bảo cho hợp đồng vay, ông Q, bà V đã dùng tài sản của ông Q, bà V là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 223, địa chỉ: thôn C, phường L, thị xã H, tỉnh HY để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng thế chấp số HUY.BĐDN.08030810, số công chứng 162 ký ngày 04/08/2010 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Hưng Yên. Tài sản thế chấp nêu trên đã được các bên thỏa thuận xử lý xong nên ông Q, bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này.

Các thỏa thuận về lãi suất vay và các thỏa thuận khác như đã thỏa thuận với ngân hàng cho đến nay bên vay, ông Q, bà V không có tranh chấp gì.

Theo Văn bản về việc cam kết trả nợ ngày 08/07/2011, ông Q, bà V đồng ý cam kết sẽ trả nợ cho bên vay nếu bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bên vay đã trả được số nợ gốc 260.000.000 đồng vào ngày 14/5/2015 và trả lãi đến ngày 29/11/2014. Sau đó ngân hàng đồng ý bằng văn bản ngày 14/5/2015 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung không có ngày, tháng năm 2015 cho bên vay nợ lại số tiền gốc còn lại là và lãi là 112.300.000 đồng trong thời gian 36 tháng.

Kể từ ngày 14/5/2015 cho đến nay bên vay vẫn nợ ngân hàng số tiền gốc và lãi này là 112.300.000 đồng, bên vay chưa trả được số tiền này. Cho đến nay bên vay, ông Q, bà V khẳng định bên vay còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là

90.000.000 đồng. Về các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi trong hạn như tính toán của ngân hàng bên vay, ông Q, bà V không có ý kiến gì.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, bên vay, ông Q, bà V có quan điểm:

Bên vay, ông Q, bà V khẳng định còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và lãi như ngân hàng tính toán nhưng do khó khăn nên hiện tại chưa trả cho ngân hàng được mà đề nghị ngân hàng cho trả sau.

Về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi trong hạn, bên vay, ông Q, bà V trình bầy đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi trong hạn này.

Về hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 18, tờ bản đồ số 223, địa chỉ: thôn C, phường L, thị xã H, tỉnh HY để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ ngày 04/08/2010, bên vay, ông Q, bà V có quan điểm: Tài sản thế chấp nêu trên đã được bên vay, ông Q, bà V và ngân hàng thỏa thuận xử lý xong, bên vay, ông Q, bà V không tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp này nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này.

Bên vay, ông Q, bà V đã được Tòa án cho xem Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/07/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HUY.DN.03200712/SĐBS-01 ngày 13/02/2014, Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013, Văn bản về việc cam kết trả nợ ngày 08/07/2011, bên vay, ông Q, bà V khẳng định các chữ ký, chữ viết ở phần bên vay, bên được cấp tín dụng đúng là chữ ký, chữ viết của bên vay, ông Q, bà V.

Ngoài ra bên vay, ông Q, bà V không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bên vay, bà V, ông Q phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.800.139 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/12/2021 là 116.875.500 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 79.658 đồng, tổng số là 214.755.297 đồng.

Đại diện bên vay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khẳng định còn nợ ngân hàng số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và lãi như ngân hàng tính toán nhưng do khó khăn nên hiện tại chưa trả cho ngân hàng được mà đề nghị ngân hàng cho trả dần trong 5 năm. Về tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi trong hạn đại diện bên vay, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bầy đang khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho xin toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi trong hạn này.

Về hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm: Tài sản thế chấp đã được ngân hàng, bên vay, ông Q, bà V thỏa thuận xử lý xong, các bên không tranh chấp gì về hợp đồng thế chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Các đương sự đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm đề nghị Hội đồng xét xử:

Xác định quan hệ tranh chấp là Tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Áp dụng khoản 1 Điều 281, Điều 290, Điều 298, Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, 6, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ngân hàng.

Buộc bên vay phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và các khoản lãi gồm: tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn như ngân hàng yêu cầu tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm, tổng số là 214.755.297 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Q và bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 08/07/2011.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại là 10.737.764 đồng.

Ngân hàng, bên vay, ông Q, bà V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 23/7/2012, ngân hàng cho bên vay vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/7/2012 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số HUY.DN.03200712/SĐBS-01 ngày 13/02/2014, Khế ước nhận nợ ngày 09/7/2013. Theo đó ngân hàng cho bên vay vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích cho vay là để sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn lưu động, thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng và được ghi trên Khế ước nhận nợ và không quá 6 tháng. Lãi suất trong hạn là 13,5%/năm và được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho bên vay số tiền 350.000.000 đồng bằng Khế ước nhận nợ số 03 ngày 09/7/2013.

Ngày 08/7/2011, ông Q, bà V và ngân hàng đã ký Văn bản về việc cam kết trả nợ, ông Q và bà V đã đồng ý cùng nhận nợ và là bên vay thứ yếu theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác của bên vay với ngân hàng. Theo cam kết này thì ông Q, bà V cam kết sẽ trả nợ cho bên vay nếu bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Thỏa thuận này cũng đã được ghi trong điểm 21.7.Điều 20 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/7/2012.

Sau khi vay, ngày 14/5/2015, bên vay đã trả được số nợ gốc 260.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 29/11/2014. Từ ngày 14/5/2015, bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, bảo lãnh, phụ lục hợp đồng, khế ước nhận nợ và các cam kết khác nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại sang nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 07/12/2021, bên vay còn nợ ngân hàng tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.800.139 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/12/2021 là 116.875.500 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 79.658 đồng, tổng số là 214.755.297 đồng.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bên vay trả ngay cho ngân hàng toàn bộ số tiền gồm tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày 07/12/2021 là 214.755.297 đồng. Bên vay còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ kể từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ.

Nếu bên vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì ông Q và bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 08/07/2011.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng thừa nhận còn nợ gốc là 90.000.000 đồng và các khoản lãi như nguyên đơn tính toán nhưng do khó khăn nên đề nghị ngân hàng cho trả dần số tiền nợ gốc và xin toàn bộ số tiền lãi nhưng ngân hàng không đồng ý.

Hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông Q, bà V với ngân hàng: Đến nay, các bên đã xử lý xong hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp, các bên không có tranh chấp gì, ngân hàng, bên vay, ông Q, bà V đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này.

Ngoài ra nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nào khác.

[2]. Xét hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng với bên vay, Hội đồng xét xử nhận định: Hai bên đều thừa nhận các nội dung của hợp đồng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng tín dụng, bên vay sử dụng vào mục đích nhằm thu lợi nhuận. Do vậy quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Hợp đồng các bên đã ký là phù hợp các quy định của pháp luật. Ngày 08/7/2011, ông Q, bà V và ngân hàng đã ký Văn bản về việc cam kết trả nợ, ông Q và bà V đã đồng ý cùng nhận nợ và là bên vay thứ yếu, thỏa thuận này cũng đã được ghi trong điểm 21.7.Điều 20 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/7/2012. Theo cam kết này thì ông Q, bà V cam kết sẽ trả nợ cho bên vay nếu bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 23/7/2012, ngân hàng cho bên vay vay số tiền 350.000.000 đồng, mục đích cho vay là để bên vay sản xuất kinh doanh và bổ sung vốn lưu động. Cho đến nay, bên vay mới trả được số nợ gốc 260.000.000 đồng và trả lãi đến ngày 29/11/2014. Bên vay còn nợ ngân hàng tạm tính đến ngày 07/12/2021 gồm tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.800.139 đồng, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 07/12/2021 là 116.875.500 đồng, phạt chậm trả lãi trong hạn là 79.658 đồng, tổng số là 214.755.297 đồng.

Bên vay, ông Q, bà V cũng thừa nhận số tiền nợ gốc như yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị trả dần số nợ gốc, xin toàn bộ số tiền lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý và đây cũng là mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng nên cần chấp nhận mức lãi theo thỏa thuận của các bên. Theo hợp đồng tín dụng thì người đứng tên vay là Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H. Ngày 08/7/2011, ông Q, bà V và ngân hàng đã ký Văn bản về việc cam kết trả nợ, thỏa thuận này cũng đã được ghi trong điểm 21.7.Điều 20 của Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số HUY.DN 03200712 ngày 23/7/2012. Theo cam kết này thì ông Q, bà V cam kết sẽ trả nợ cho bên vay nếu bên vay không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Do vậy nếu bên vay không trả được nợ cho ngân hàng thì ông Q, bà V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 281, các Điều 290, 298, 471, 474, 476, 361, 362, 363 và 365 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, Hội đồng xét xử nhận định cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng và lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2021) là 214.755.297 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H không trả được nợ cho ngân hàng thì ông Q và bà V có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng theo Giấy cam kết về việc trả nợ ngày 08/07/2011 và hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số HUY.DN 03200712 ngày 23/7/2012.

Hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho khoản vay của ông Q, bà V với ngân hàng các bên đã xử lý xong hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp, ngân hàng, bên vay, ông Q, bà V đều không có tranh chấp gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết về Hợp đồng thế chấp và tài sản thế chấp này nên Hội đồng xét xử không xét.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự.

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 281, các Điều 290, 298, 471, 474, 476, 361, 362, 363 và 365 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 12 của Luật ngân hàng nhà nước; Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 3; 6; khoản 2Điều 26; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền gồm:

Toàn bộ số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng .

Tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2021) là 124. 755.297 đồng.

Tổng số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền chậm trả lãi trong hạn tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/12/2021) Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A là: 214.755.297 đồng (Hai trăm mười bốn triệu bẩy trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm chín mươi bẩy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H không trả được nợ cho ngân hàng thì ông Nguyễn Văn Q và bà Phạm Thị Thanh V có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H.

Về án phí: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất và thương mại H phải chịu 10.737.764 đồng (Mười triệu bẩy trăm ba mươi bẩy nghìn bẩy trăm sáu mươi tư đồng) tiền án phí sơ thẩm kinh doanh thương mại.

Hoàn trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 5.196.617 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003907 ngày 19/8/2021của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên.

Các vấn đề khác Hội đồng xét xử không xét.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Văn Tuấn